

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/DS-ST  
Ngày: 30/9/2022  
V/v: "T/c Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị B

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thiều Thị Phi L – Cán bộ hưu trí

2. Vương Thị Khánh L – Cán bộ hưu trí

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu T – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Huy T – Kiểm sát viên.

Trong 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B – tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 768/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1013/2022/QĐST-DS, ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông **Lê Trường A1**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: 404, tổ 7A, ấp M, phường P, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Công T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 202/38, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Giấy ủy quyền số 61 ngày 12/5/2020)

*2. Bị đơn:* Ông **Nguyễn Trần A2**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 416 B5, tổ 16, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa,  
ông A2 vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2020, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đinh Công T trình bày:** Ngày 25/11/2014, ông Nguyễn Trần A2 có vay của ông Lê Trường A1 số tiền 400.000.000đ, khi vay các bên có làm giấy vay, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/01 tháng. Khi vay ông A2 có thể chấp cho ông A1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất tọa lạc tại khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Sau đó, ông A2 có trả cho ông A1 số tiền 200.000.000đ nợ gốc và ông A1 đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A2. Ông A2 không trả cho ông A1 bất kỳ khoản tiền lãi suất nào. Hiện nay, ông A2 còn nợ ông A1 số tiền 200.000.000đ nợ gốc.

Đến năm 2015 ông A1 lại tiếp tục cho ông A2 vay thêm số tiền 140.000.000đ, các bên có làm giấy vay và tại giấy vay không thỏa thuận lãi suất, cụ thể các lần như sau:

Ngày 25/01/2015 ông A2 vay số tiền 80.000.000đ; thời hạn vay là 03 tháng; Ngày 25/3/2015 vay số tiền 20.000.000đ; Ngày 25/4/2015 vay số tiền 20.000.000đ; Ngày 25/5/2015 vay số tiền 20.000.000đ.

Tổng cộng số tiền ông A2 còn nợ ông An là 340.000.000đ. Mặc dù, ông A1 đã nhiều lần yêu cầu ông A2 trả toàn bộ số tiền ông A2 còn nợ nhưng ông A2 không hợp tác trả nợ. Nay ông A1 yêu cầu tòa án giải quyết những vấn đề sau đây.

- Buộc ông A2 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 340.000.000đ.
- Buộc ông A2 phải trả lãi suất như sau:
  - + Lãi suất của khoản vay 200.000.000đ từ ngày 25/11/2014 đến ngày 30/9/2022 số tiền là  $(200.000.000đ \times 94 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} \times 2\%) = 376.666.666đ$ .
  - + Lãi suất của khoản vay 80.000.000đ từ ngày 25/02/2015 đến ngày 30/9/2022 số tiền là  $(80.000.000đ \times 91 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} \times 2\%) = 145.866.666đ$ .
  - + Lãi suất của khoản vay 20.000.000đ từ ngày 25/03/2015 đến ngày 30/9/2022 số tiền là  $(20.000.000đ \times 90 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} \times 2\%) = 36.066.666đ$ .
  - + Lãi suất của khoản vay 20.000.000đ từ ngày 25/4/2015 đến ngày 30/9/2022 số tiền là  $(20.000.000đ \times 89 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} \times 2\%) = 35.666.666đ$ .
  - + Lãi suất của khoản vay 20.000.000đ từ ngày 25/5/2015 đến ngày 30/9/2022 số tiền là  $(20.000.000đ \times 88 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} \times 2\%) = 35.266.666đ$ .

Tổng cộng số tiền ông A1 yêu cầu ông A2 phải trả là 969.533.330đ. Trong đó, nợ gốc là 340.000.000đ, nợ lãi là 629.533.330đ.

Ngày 29/9/2022, nguyên đơn ông Lê Trường A1 có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ lãi. Theo đó, tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2020 ông A1 khởi kiện tổng số tiền nợ lãi là 629.533.330đ với mức lãi suất là 2%/01 tháng. Nay chỉ yêu cầu ông A2 phải trả tổng số tiền nợ lãi là 232.325.000đ với mức lãi suất là 0,75%/tháng kể từ ngày ông A2 vi phạm thời hạn trả nợ đến ngày 30/9/2022. Đối với số tiền nợ gốc giữ nguyên.

*Bị đơn ông Nguyễn Trần A2 đã được Tòa án niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông A2 vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và các phiên tòa xét xử nên không có lời trình bày.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Trần A2 phải trả cho ông Lê Trường A1 tổng số tiền 572.325.000đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 340.000.000đ, tiền nợ lãi là 232.325.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Ông Lê Trường A1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trần A2 phải trả cho ông A1 tổng số tiền 969.533.330đ. Trong đó, nợ gốc là 340.000.000đ, nợ lãi là 232.325.000đ nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Lê Trường A1 là nguyên đơn, ông Nguyễn Trần A2 là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Trần A2 có tại thành phố B, tỉnh Đ căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về thủ tục tố tụng khác:

Anh Đinh Công T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt ngày 22/10/2021. Bị đơn ông Nguyễn Trần A2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, ông A2.

Ngày 29/9/2022, ông A1 có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông A1 không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét về yêu cầu khởi kiện của ông A1 về tổng số tiền nợ gốc 340.000.000đ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đối với số tiền 200.000.000đ ông A2 còn nợ ông An theo giấy vay tiền ngày 25/11/2014 là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, tại giấy vay tiền ngày 25/11/2014 (Bút lục 100) ông A1 cung cấp cho Tòa án thể hiện rõ ông A1 có cho ông A2 vay số tiền 400.000.000đ ngày 25/11/2014. Trong quá trình vay ông A2 đã trả cho ông A1 được số tiền 200.000.000đ và còn nợ lại ông A1 số tiền 200.000.000đ.

- Đối với số tiền 140.000.000đ, ông An cho ông A2 vay cụ thể các ngày 25/01/2015 ông A2 vay số tiền 80.000.000đ; Ngày 25/3/2015 vay số tiền 20.000.000đ; Ngày 25/4/2015 vay số tiền 20.000.000đ; Ngày 25/5/2015 vay số tiền 20.000.000đ. Việc vay mượn này thể hiện rõ tại giấy vay tiền năm 2015 (Bút lục 101). Trong suốt vay 140.000.000đ cho đến thời điểm hiện nay ông A2 chưa trả cho ông A1 bất kỳ khoản tiền nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Mặc dù, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông A2 nhưng ông A2 vẫn không đến

Tòa án để làm việc, hòa giải và xét xử được coi là trường hợp bỏ mặc Tòa án giải quyết tranh chấp giữa các đương sự và đương nhiên thừa nhận nợ.

Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ lãi của nguyên đơn thấp hơn yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận..

[6] Xét yêu cầu của ông A1 về việc yêu cầu ông A2 phải trả tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định là 0,75%/tháng kể từ ngày ông A2 vi phạm thời hạn trả nợ đến ngày 30/9/2022 (ngày xét xử) số tiền là 232.325.000đ là có cơ sở chấp nhận vì theo quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định *“Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận”*. Lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử (ngày 30/9/2022) là 9%/năm (0,75%/tháng) thì mức lãi suất được tính toán cụ thể như sau.

+ Lãi suất của khoản vay 200.000.000đ từ ngày 25/12/2014 đến ngày 30/9/2022 số tiền là  $(200.000.000đ \times 93 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} \times 0,75\%) = 139.750.000đ$ .

+ Lãi suất của khoản vay 80.000.000đ từ ngày 25/5/2015 đến ngày 30/9/2022 số tiền là  $(80.000.000đ \times 88 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} \times 0,75\%) = 52.900.000đ$ .

+ Lãi suất của khoản vay 20.000.000đ từ ngày 25/4/2015 đến ngày 30/9/2022 số tiền là  $(20.000.000đ \times 89 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} \times 0,75\%) = 13.375.000đ$ .

+ Lãi suất của khoản vay 20.000.000đ từ ngày 25/5/2015 đến ngày 30/9/2022 số tiền là  $(20.000.000đ \times 88 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} \times 0,75\%) = 13.225.000đ$ .

+ Lãi suất của khoản vay 20.000.000đ từ ngày 25/6/2015 đến ngày 30/9/2022 số tiền là  $(20.000.000đ \times 87 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} \times 2\%) = 13.075.000đ$ .

Tổng số tiền lãi là 232.325.000đ.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Trần A2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.893.000đ. Ông Lê Trường A1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, 68, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 273; khoản 1 Điều 147; 244 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 305; Điều 471; 474, khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trường A1 đối với ông Nguyễn Trần A2 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Trần A2 phải trả cho ông Lê Trường A1 tổng số tiền 572.325.000đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 340.000.000đ, tiền nợ lãi là 232.325.000đ

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán các khoản tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán

Về án phí: Ông Nguyễn Trần A2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.893.000đ. Hoàn trả lại cho ông Lê Trường A1 số tiền 18.666.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007347 ngày 10/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị B**